

1. MỤC TIÊU:

1.1.Kiến thức:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

1.2. Kỹ năng:

Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

2. NỘI DUNG

2.1. Các câu hỏi định tính:

2.2. Các câu hỏi định lượng:

2.3.Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL
1	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	3	2		1	6	
2	Bài 2: Cung cầu trong nền kinh tế thị trường	3	2			5	1
3	Bài 3: Thị trường lao động	3	2	1		6	1
4	Bài 4: Thị trường việc làm	3	2			5	
5	Bài 5: Thất nghiệp	3	2	1		6	
Tổng:		15	10	2	1	28	2

3. CÂU HỎI VÀ ĐỀ MINH HOẠ

• NHẬN BIẾT

Câu 1: Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. lạm phát. B. thất nghiệp. C. cạnh tranh. D. khủng hoảng.

Câu 2: Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

- A. nguyên nhân của sự giàu nghèo. B. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
C. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa. D. tính chất của cạnh tranh.

Câu 3: Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh có vai trò như thế nào đối với sự phát triển?

- A. Cơ sở. B. Triệt tiêu. C. Nền tảng. D. Động lực.

Câu 4: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

- A. khả năng xác định. B. sản xuất xác định.
C. nhu cầu xác định. D. thu nhập xác định.

Câu 5: Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả của hàng hoá, dịch vụ nào đó tăng trên thị trường có xu hướng giảm xuống thì sẽ làm cho cầu về hàng hóa đó có xu hướng

- A. tăng. B. giảm. C. giữ nguyên. D. không đổi.

* **THÔNG HIỂU**

Câu 6: Thông qua pháp luật, chính sách nhằm cân đối lại cung – cầu là sự vận dụng quan hệ cung cầu của chủ thể nào sau đây?

- A. nhà nước. B. người kinh doanh. C. người tiêu dùng. D. người sản xuất.

Câu 7: Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

- A. thị trường lao động. B. thị trường tài chính.
C. thị trường tiền tệ. D. thị trường công nghệ

Câu 8: Khi tham gia vào thị trường lao động, cung về sức lao động gắn liền với chủ thể nào dưới đây ?

- A. Người bán sức lao động. B. Người mua sức lao động.
C. Người môi giới lao động. D. Người phân phối lao động.

Câu 9: Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động, khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Lạm phát. B. Thất nghiệp. C. Cạnh tranh. D. Khủng hoảng.

Câu 10: Trong đời sống xã hội, mỗi cá nhân có thể tham gia vào nhiều việc làm

- A. khác nhau. B. bị cấm. C. bắt buộc. D. miễn phí.

• **VẬN DỤNG**

Câu 11: Trong đời sống xã hội, việc người lao động dành toàn bộ thời gian vào làm một công việc mà pháp luật không cấm và mang lại thu nhập cho bản thân thì hoạt động đó được gọi là

- A. việc làm phi lợi nhuận. B. có việc làm chính thức.
C. việc làm bán thời gian. D. việc làm không ổn định.

Câu 12: Đối với người sử dụng lao động, khi tham gia vào thị trường việc làm sẽ góp phần giúp cho họ có thể

- A. tuyển được nhiều lao động mới. B. tăng thu nhập cho bản thân.
C. tăng lượng hàng hóa xuất khẩu. D. gia tăng việc khấu hao hàng hóa.

Câu 13: Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. vị trí. B. việc làm. C. bạn đời. D. chỗ ở.

Câu 14: Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp cơ cấu. B. thất nghiệp tạm thời.
C. thất nghiệp tự nguyện. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 15: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tính giảm lao động. B. Thiếu kỹ năng làm việc.
C. Không hài lòng với công việc. D. Do vi phạm hợp đồng lao động.

• **VẬN DỤNG CAO**

Câu 16: Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh không lành mạnh **không** thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế tìm các biện pháp để

- A. làm giả thương hiệu. B. hạ giá thành sản phẩm.

C. đầu cơ tích trữ nâng giá .

D. hủy hoại môi trường.

Câu 17: Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

B. Làm cho môi trường bị suy thoái.

C. Kích thích sức sản xuất.

D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 18: Khi trên thị trường xảy ra hiện tượng cầu về mặt hàng quạt điện giảm mạnh vào mùa đông, thì yếu tố nào dưới đây của thị trường sẽ giảm theo?

A. Cạnh tranh

B. Giá cả

C. Giá trị

D. Giá trị sử dụng

Câu 19: Nhóm doanh nghiệp P, M, H hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước uống “có vị trí thống lĩnh thị trường”. Nhóm doanh nghiệp này đưa ra yêu cầu các đại lí tỉnh N phải mua hàng của họ với số lượng lớn và không được bán hàng của doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp Y liền thuê ông G đến các trường học để quảng cáo, so sánh chất lượng sản phẩm của mình tốt hơn nhóm doanh nghiệp trên sau đó tặng sản phẩm cho các em học sinh. Doanh nghiệp nào có các hình thức cạnh tranh không vi phạm pháp luật?

A. Doanh nghiệp Y.

B. Doanh nghiệp M.

C. Doanh nghiệp P.

D. Doanh nghiệp H.

Câu 20 Nhóm doanh nghiệp P, M, H hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước uống “có vị trí thống lĩnh thị trường”. Nhóm doanh nghiệp này đưa ra yêu cầu các đại lí tỉnh N phải mua hàng của họ với số lượng lớn và không được bán hàng của doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp Y liền thuê ông G đến các trường học để quảng cáo, so sánh chất lượng sản phẩm của mình tốt hơn nhóm doanh nghiệp trên sau đó tặng sản phẩm cho các em học sinh. Doanh nghiệp P, M, H đã vi phạm nội dung nào của cạnh tranh không lành mạnh?

A. Sử dụng thủ đoạn phi pháp.

B. Giành giật khách hàng,

C. Hủy hoại tài nguyên .

D. Đầu cơ tích trữ .

ĐỀ MINH HOA

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

A. lợi tức.

B. tranh giành.

C. cạnh tranh.

D. đấu tranh.

Câu 2: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

A. lao động.

B. thị trường.

C. lợi nhuận.

D. nhiên liệu.

Câu 3: Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

A. điều kiện sản xuất.

B. giá trị thặng dư.

C. nguồn gốc nhân thân.

D. quan hệ tài sản.

Câu 4: Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

A. cầu.

B. tổng cầu.

C. tổng cung.

D. cung.

Câu 5: Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

A. giá cả của hàng hóa đó.

B. nguồn gốc của hàng hóa.

C. chất lượng của hàng hóa.

D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 6: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường xảy ra hiện tượng cung lớn hơn cầu thì sẽ làm cho giá cả hàng hóa có xu hướng

A. tăng

B. giảm

C. giữ nguyên

D. bằng giá trị

Câu 7: Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

A. lao động.

B. cạnh tranh.

C. thất nghiệp.

D. cung cầu.

Câu 8: Trong hoạt động sản xuất, lao động có vai trò như là một yếu tố

A. đầu vào.

B. đầu ra.

C. thứ yếu.

D. độc lập.

Câu 9: Khi tham gia vào thị trường lao động, người bán sức lao động còn có thể gọi là

A. cung về sức lao động.

B. cầu về sức lao động.

C. giá cả sức lao động.

D. tiền tệ sức lao động.

Câu 10: Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

A. thất nghiệp.

B. lao động.

C. việc làm.

D. sức lao động.

Câu 11: Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật

- A. bắt buộc. B. cấm. C. không cấm. D. quy định.

Câu 12: Đối với người lao động, khi tham gia vào thị trường việc làm nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Tăng thu nhập cá nhân. B. Tìm kiếm việc làm cho mình.
C. Tuyển được nhiều lao động mới. D. Hưởng phí trung gian môi giới.

Câu 13: Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. thất nghiệp. B. lạm phát. C. thu nhập. D. khủng hoảng.

Câu 14: Trong nền kinh tế, việc phân chia thất nghiệp thành thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện là căn cứ vào

- A. tính chất của thất nghiệp. B. nguồn gốc thất nghiệp.
C. chu kỳ thất nghiệp. D. cơ cấu thất nghiệp.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây không phản ánh nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của người lao động?

- A. Do thiếu kỹ năng làm việc. B. Do được bổ nhiệm vị trí mới.
C. Do tinh giảm biên chế lao động. D. Do không hài lòng với mức lương.

Câu 16: Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao sẽ gián tiếp dẫn đến phát sinh nhiều

- A. công ty mới thành lập. B. tệ nạn xã hội tiêu cực.
C. hiện tượng xã hội tốt. D. nhiều người thu nhập cao.

Câu 17: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.
B. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.
C. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
D. Triệt tiêu mọi lợi nhuận kinh doanh.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế?

- A. Huy hoại tài nguyên môi trường. B. Triệt tiêu mọi lợi nhuận kinh doanh.
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế D. Tăng cường đầu cơ tích trữ.

Câu 19: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của hàng hóa đó. B. Thu nhập của người tiêu dùng.
C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp. D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 20: Vận dụng quan hệ cung – cầu để lí giải tại sao có tình trạng “cháy vé” trong một buổi ca nhạc có nhiều ca sĩ nổi tiếng biểu diễn?

- A. Do cung < cầu B. Do cung = cầu
C. Do cung, cầu rối loạn D. Do cung > cầu

Câu 21: Một trong những yếu tố cấu thành thị trường lao động là

- A. người bán sức lao động. B. nhà quản lý lao động.
C. Tổ chức công đoàn. D. Bộ trưởng bộ lao động.

Câu 22: Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần gia tăng việc làm, giảm

- A. lạm phát. B. thất nghiệp. C. đầu cơ. D. khủng hoảng.

Câu 23: Trong đời sống xã hội, việc người lao động dành những thời gian rảnh để vào làm một công việc mà pháp luật không cấm và mang lại thu nhập cho bản thân thì hoạt động đó được gọi là

- A. việc làm phi lợi nhuận. B. có việc làm chính thức.
C. việc làm bán thời gian. D. việc làm không ổn định.

Câu 24: Sự thỏa thuận, xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc được gọi là

- A. thị trường tài chính. B. thị trường kinh doanh.
C. thị trường việc làm. D. thị trường thất nghiệp.

Câu 25: Khi tham gia vào thị trường việc làm người lao động **không** được thỏa thuận với người sử dụng lao động về nội dung nào dưới đây?

- A. Tiền công. B. Việc làm. C. Lương hưu. D. Tiền thưởng.

Câu 26: Đối với các doanh nghiệp, khi tình trạng thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho nhiều doanh nghiệp phải

- A. đóng cửa sản xuất. B. mở rộng sản xuất. C. thúc đẩy sản xuất. D. đầu tư hiệu quả.

Câu 27: Khi thất nghiệp trong xã hội tăng cao sẽ dẫn đến

A. nhu cầu tiêu dùng giảm.

B. nhu cầu tiêu dùng tăng.

C. lượng cầu càng tăng cao.

D. lượng cung càng tăng cao.

Câu 28 Nhóm doanh nghiệp P, M, H hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước uống “có vị trí thống lĩnh thị trường”. Nhóm doanh nghiệp này đưa ra yêu cầu các đại lí tính N phải mua hàng của họ với số lượng lớn và không được bán hàng của doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp Y liền thuê ông G đến các trường học để quảng cáo, so sánh chất lượng sản phẩm của mình tốt hơn nhóm doanh nghiệp trên sau đó tặng sản phẩm cho các em học sinh. Doanh nghiệp nào có các hình thức cạnh tranh không vi phạm pháp luật?

A. Doanh nghiệp Y.

B. Doanh nghiệp M.

C. Doanh nghiệp P.

D. Doanh nghiệp H.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Sau khi tốt nghiệp đại học, anh T và anh H cùng nộp hồ sơ tới trung tâm giới thiệu việc làm X để xin việc. Sau đó hai anh đều được tuyển dụng vào làm việc cho công ty Z do ông M làm giám đốc. Khi sắp xếp công việc, do anh T có bằng tốt nghiệp loại Khá nên được ông M bố trí làm việc ở Phòng nghiên cứu thị trường. Còn anh H chỉ có bằng tốt nghiệp loại trung bình nên được sắp xếp về tổ bán hàng. Sau một thời gian làm việc, biết chuyện, chị P chị gái của anh H đồng thời đang là phóng viên tự do đã viết bài xuyên tạc công ty Z vi phạm về nộp thuế khiến uy tín của công ty bị giảm sút.

Em hãy xác định các chủ thể tham gia vào thị trường lao động trong tình huống trên.

Mối quan hệ giữa các chủ thể đó được thực hiện thông qua văn bản gì. Em hãy nội một số nội dung của văn bản đó?

Câu 2: (1 điểm): Bằng những hiểu biết của mình về vấn đề lao động và việc làm em hãy làm rõ câu tục ngữ sau: “ *Nhàn cư vi bất thiện* ”